

Số: 2280/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 23 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc
thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công Thương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1565/TTr-SCT ngày 05/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục gồm **150** thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 131 thủ tục, cấp huyện: 17 thủ tục, cấp xã: 02 thủ tục*) chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công Thương.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải nội dung Quyết định lên Trang văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo địa chỉ <http://qppl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, nghiên cứu thực hiện.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm:

- Bổ sung, hoàn chỉnh nội dung cấu thành của từng thủ tục hành chính, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (*tại địa chỉ <https://csdl.dichvucong.gov.vn>*) và Trang thông tin điện tử của đơn vị; đồng thời, gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh để đăng tải, công khai, niêm yết, cập nhật dữ liệu theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thiện, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý *(nếu có thay đổi)* để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh theo quy định.

- Kể từ ngày ban hành Quyết định này, trên cơ sở Quyết định công bố mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính của các cơ quan Trung ương, Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm ban hành Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo ngành, lĩnh vực quản lý *(kể cả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh)* theo đúng chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 30/8/2023.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo bộ phận có liên quan phối hợp với Sở Công Thương cập nhật đầy đủ danh mục thủ tục hành chính, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh theo quy định *(chậm nhất trong thời gian 05 ngày kể từ ngày các Quyết định có hiệu lực)*.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo công khai, niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận một cửa các cấp và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công Thương hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm QTI, VNPT;
- Bộ phận Một cửa cấp huyện;
- CPVP;
- Lưu: VT, TTPVHCCQN, HCTC, NCKS.

I:\Dropbox\CÔNG2023\RA SOAT-CHUAN HOA\QD CHUAN HOA\Thanhtra\0109-QD CH.doc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (131)										
I. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH										<i>Đã ủy quyền giải quyết 18 thủ tục</i>
II. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH (1+3UQ)										<i>Đã ủy quyền giải quyết 03 thủ tục</i>
1. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương (1)										
1.1	2.000331.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; + Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; + Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương hướng dẫn về trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương; + Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các quy định cụ thể khác theo;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									+ Quyết định số 17/2015/QĐ - UBND ngày 19/6/2015 về Ban hành Quy chế bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Quảng Nam. + Quyết định 2714/QĐ-UBND ngày 7/9/2018 Quyết định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam.	
Tổng cộng		1					1			

III. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG (130) (Bao gồm TTHC được UBND/Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền)

1. Lĩnh vực Điện (11)										
1.1	2.001561.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	09 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X	X	Phí thẩm định: 800.000 đồng/giấy phép. Ghi chú: Trường hợp đối với một tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép để thực hiện từ hai lĩnh vực hoạt động điện lực trở lên, thì mức thu phí thẩm định được tính như sau: $P_{TD} = P_1 + 0,4 \sum_{i=2}^n P_i$ Trong đó: - P ₁ Phí thẩm định lớn nhất của 1 trong các lĩnh	- Nghị định số 137/2013/NĐCP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực;	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>vực hoạt động điện lực đề nghị cấp phép;</p> <p>- Pi: Phí thẩm định của các lĩnh vực hoạt động điện lực còn lại;</p> <p>- 0,4: Hệ số điều chỉnh.</p>	<p>- Quyết định số 1206/QĐ-BCT ngày 19/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương;</p> <p>- Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh công bố TTHC sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công thương.</p>	
1.2	2.001632.000.00.00.H47	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	<p>Phí thẩm định: 400.000 đồng/giấy phép.</p> <p>Ghi chú: Trường hợp đối với một tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép để thực hiện từ hai lĩnh vực hoạt động điện lực trở lên, thì mức thu phí thẩm định được tính như sau:</p> $P_{TD} = P_1 + 0,4 \sum_{i=2}^n P_i$ <p>Trong đó: - P₁: Phí thẩm định lớn nhất của 1 trong các lĩnh vực hoạt động điện lực đề nghị cấp phép; - P_i: Phí thẩm định của các lĩnh vực hoạt động điện lực còn lại; - 0,4: Hệ số điều chỉnh.</p>	<p>- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực;</p> <p>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực;</p> <p>- Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực;</p> <p>- Quyết định số 1206/QĐ-BCT ngày 19/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương;</p> <p>- Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND tỉnh công bố TTHC sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công thương.</p>	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh
1.3	2.001617.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối	09 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	X		X	2.100.000 đồng/giấy phép.	- Nghị định số 137/2013/NĐCP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết	Được ủy quyền giải quyết tại

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương		HCC Quảng Nam				+ Trường hợp đối với một tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để thực hiện từ hai lĩnh vực hoạt động điện lực trở lên, thì mức thu phí thẩm định được tính như sau: $P_{TD} = P_1 + 0,4 \sum_{i=2}^n P_i$ Trong đó: - P ₁ : Phí thẩm định lớn nhất của 1 trong các lĩnh vực hoạt động điện lực đề nghị cấp phép; - P _i : Phí thẩm định của các lĩnh vực hoạt động điện lực còn lại; - 0,4: Hệ số điều chỉnh.	thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực; - Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương; - Quyết định số 1206/QĐ-BCT ngày 19/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương;	<i>Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh</i>
1.4	2.001549.000.00.00.H47	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X	X	1.050.000 đồng/giấy phép. + Trường hợp đối với một tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để thực hiện từ hai lĩnh vực hoạt động điện lực trở lên, thì mức thu phí thẩm định được tính như sau: $P_{TD} = P_1 + 0,4 \sum_{i=2}^n P_i$ Trong đó: - P ₁ : Phí thẩm định lớn nhất của 1 trong các lĩnh vực hoạt động	- Nghị định số 137/2013/NĐCP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực; - Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực;	<i>Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh</i>	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>điện lực đề nghị cấp phép;</p> <p>- P_i: Phí thẩm định của các lĩnh vực hoạt động điện lực còn lại;</p> <p>- 0,4: Hệ số điều chỉnh.</p>	- Quyết định số 1206/QĐ-BCT ngày 19/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;	
1.5	2.001535.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	09 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	<p>700.000 đồng/giấy phép.</p> <p>Ghi chú: Trường hợp đối với một tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để thực hiện từ hai lĩnh vực hoạt động điện lực trở lên, thì mức thu phí thẩm định được tính như sau:</p> $P_{TD} = P_1 + 0,4 \sum_{i=2}^n P_i$ <p>Trong đó: - P₁: Phí thẩm định lớn nhất của 1 trong các lĩnh vực hoạt động điện lực đề nghị cấp phép;</p> <p>- P_i: Phí thẩm định của các lĩnh vực hoạt động điện lực còn lại;</p> <p>- 0,4: Hệ số điều chỉnh.</p>	<p>- Nghị định số 137/2013/NĐCP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực;</p> <p>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực;</p> <p>- Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực;</p> <p>- Quyết định số 1206/QĐ-BCT ngày 19/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;</p>	<i>Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh</i>
1.6	2.001266.000.00.00.H47	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	<p>350.000 đồng/giấy phép.</p> <p>Ghi chú: Trường hợp đối với một tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy</p>	- Nghị định số 137/2013/NĐCP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật	<i>Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND</i>

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<p>phép để thực hiện từ hai lĩnh vực hoạt động điện lực trở lên, thì mức thu phí thẩm định được tính như sau:</p> $P_{TD} = P_1 + 0,4 \sum_{i=2}^n P_i$ <p>Trong đó: - P1: Phí thẩm định lớn nhất của 1 trong các lĩnh vực hoạt động điện lực đề nghị cấp phép; - Pi: Phí thẩm định của các lĩnh vực hoạt động điện lực còn lại; - 0,4: Hệ số điều chỉnh.</p>	<p>Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực; - Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực; - Quyết định số 1206/QĐ-BCT ngày 19/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;</p>	<p>ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh</p>
1.7	2.001249.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	09 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	<p>800.000 đồng/giấy phép. Ghi chú: Trường hợp đối với một tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để thực hiện từ hai lĩnh vực hoạt động điện lực trở lên, thì mức thu phí thẩm định được tính như sau:</p> $P_{TD} = P_1 + 0,4 \sum_{i=2}^n P_i$ <p>Trong đó:</p>	<p>- Nghị định số 137/2013/NĐCP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định</p>	<p>Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh</p>

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								- P ₁ : Phí thẩm định lớn nhất của 1 trong các lĩnh vực hoạt động điện lực đề nghị cấp phép ; - P _i : Phí thẩm định của các lĩnh vực hoạt động điện lực còn lại; - 0,4: Hệ số điều chỉnh.	trình tự, thủ tục cấp phép hoạt động điện lực; - Quyết định số 1206/QĐ-BCT ngày 19/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương	
1.8	2.001724.000.00.00.H47	Cấp Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí thẩm định: 400.000 đồng/giấy phép. Ghi chú: Trường hợp đối với một tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép để thực hiện từ hai lĩnh vực hoạt động điện lực trở lên, thì mức thu phí thẩm định được tính như sau: $P_{TD} = P_1 + 0,4 \sum_{i=2}^n P_i$ Trong đó: - P ₁ : Phí thẩm định lớn nhất của 1 trong các lĩnh vực hoạt động điện lực đề nghị cấp phép ; - P _i : Phí thẩm định của các lĩnh vực hoạt động điện lực còn lại; - 0,4: Hệ số điều chỉnh.	- Nghị định số 137/2013/NĐCP ngày 21/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương - Quyết định số 1206/QĐ-BCT ngày 19/5/2023 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương	<i>Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh</i>
1.9	2.000621.000.00.00.H47	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	X		X	Không có	+ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				HCC Quảng Nam					một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012; + Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực; + Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về an toàn. + Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25 tháng 8 năm 2022 Bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện; + Quyết định số 1831/QĐ-BCT ngày 12/9/2022 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương	
1.10	2.000643.000.00.00.H47	Cấp lại thẻ an toàn điện	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
1.11	2.000638.000.00.00.H47	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		

2. Lĩnh vực Điện An toàn đập, hồ chứa thủy điện (8)

2.1	2.001640.000.00.00.H47	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	Trong thời hạn từ 07 đến 30 ngày làm việc (tùy theo loại hoạt động), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017. - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 3248A/QĐ-BCT ngày 07/9/2018 của Bộ Công Thương;	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh
-----	------------------------	--	--	---------------------------------	---	--	---	----------	--	---

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
2.2	2.001607.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	Trong thời hạn từ 03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
2.3	2.001587.000.00.00.H47	Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)	Trong thời hạn từ 05 đến 15 ngày làm việc (tùy theo loại hoạt động), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
2.4	2.001322.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam			X	Không có	Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện. - Quyết định số 3248A/QĐ-BCT ngày 07/9/2018 của Bộ Công Thương;	<i>Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh</i>
2.5	2.001292.000.00.00.H47	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể	Trung tâm Phục vụ			X	Không có		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	HCC Quảng Nam						
2.6	2.001313.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
2.7	2.001300.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
2.8	2.001384.000.00.00.H47	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	Trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Quyết định số 3248A/QĐ-BCT ngày 07/9/2018 của Bộ Công Thương.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh

3. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (2)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
3.1	1.009972.000.00.00.H47	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:	Dự án nhóm A không quá 35 ngày làm việc, dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam			X	Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài Chính	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án ĐTXD; - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài Chính	Sở Xây dựng
3.2	1.009973.000.00.00.H47	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - Không quá 40 ngày làm việc đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày đối	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài Chính		Sở Xây dựng

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			với công trình cấp II và cấp III; Không quá 20 ngày làm việc đối với công trình còn lại.							
4. Lĩnh vực Vật liệu nổ Công nghiệp (7)										
4.1	2.000229.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	18 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017; - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2018/TT- BCT ngày 15 /6 /2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng VLNCN, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; - Quyết định 2089A/QĐ-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương; - QĐ số 214/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 (cắt giảm thời gian)	
4.2	2.000210.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017; - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		quyết của Sở Công Thương							- Thông tư số 13/2018/TT- BCT ngày 15 /6 /2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;	
4.3	2.000221.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	18 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không	- Quyết định 2089A/QĐ-BCT ngày 15/6/2018 của BCT về việc công bố TTHC mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực VLNCN, tiền chất thuốc nổ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương .	
4.4	2.000172.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam			X	Không		
4.5	2.001434.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	- Đối với đơn vị phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa: 5.000.000 đ - Đối với đơn vị phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đ - Đối với đơn vị phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000 đ - Đối với đơn vị phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000 đ		
4.6	2.001433.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép sử dụng VLNCN thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	- Đối với đơn vị phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa: 5.000.000 đ - Đối với đơn vị phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đ - Đối với đơn vị phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								thác trên đất liền: 3.500.000 đ - Đối với đơn vị phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000 đ Phí thẩm định cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trường hợp không có thay đổi về địa điểm, quy mô, điều kiện hoạt động sử dụng VLNCN thì áp dụng mức thu bằng 50% mức thu tương ứng như trên.		
4.7	1.003401.000.00.00.H47	Thu hồi Giấy phép sử dụng VLNCN	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không		
5. Lĩnh vực Hóa chất (9)										
5.1	2.001547.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 10 ngày làm việc (đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí thẩm định 1.200.000 đồng/ giấy phép	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			phương đặt trụ sở chính.) - 15 ngày làm việc (đôi với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)						113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ - Quyết định 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của BCT về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của BCT. - Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 (cắt giảm thời gian)	
5.2	2.001175.000. 00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí thẩm định 600.000 đồng/ giấy phép	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ .	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									- Quyết định 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương;	
5.3	2.001172.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 10 ngày làm việc (đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.) - 15 ngày làm việc (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí thẩm định 600.000 đồng/ giấy phép	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Quyết định 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của BCT về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của BCT. - Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 (cắt giảm thời gian)	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			trụ sở chính)							
5.4	1.002758.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 10 ngày làm việc (đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.) - 15 ngày làm việc (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí thẩm định 1.200.000 đồng/ giấy phép		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			trụ sở (chính)							
5.5	2.001161.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí thẩm định 600.000 đồng/ giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương; 	
5.6	2.000652.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện Xtrong lĩnh vực công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc (đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.) - 15 ngày làm việc (đối với trường hợp 	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí thẩm định 600.000 đồng/ giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của BCT. - Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 (cắt giảm thời gian) 	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)							
5.7	1.011506.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc (đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.) - 13 ngày làm việc (đối với trường hợp tổ chức, cá	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí thẩm định 1.200.000 đồng/ giấy phép	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. - Quyết định 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của BCT về việc công bố	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở (chính)						TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của BCT. - Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC cấp tỉnh mới ban hành, được sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công Thương;	
5.8	1.011507.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí thẩm định 600.000 đồng/ giấy phép	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của BCT.	
5.9	1.011508.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc (đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí thẩm định 600.000 đồng/ giấy phép	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.) - 13 ngày làm việc (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính)						ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương ; - <i>Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 14/7/2023</i> của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Ngoại vụ.	
6. Lĩnh vực Khoa học Công nghệ (1)										
6.1	2.000046.000.00.00.H47	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006 và	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ; - Thông tư 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Công Thương; - Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương;	
7. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (25)										
7.1	1.010696.000.00.00.H47	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định	+ Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 3/9/2014 của Chính phủ về việc kinh doanh xăng dầu. + Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 3/9/2014 của Chính phủ về việc kinh doanh xăng dầu. + Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. + Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. + Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 Bộ Công Thương + Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03/12/2021 của Bộ Công Thương.	
7.2	2.000674.000.00.00.H47	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh:	+ Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 3/9/2014 của Chính phủ về việc kinh doanh xăng dầu. + Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								* Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định	+ Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; + Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; + Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03/12/2021 của Bộ Công Thương;	
7.3	2.000666.000.00.00.H47	Sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định	+ Thông tư số 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 Bộ Công Thương;	
7.4	2.000664.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định		
7.5	2.000673.000.00.00.H47	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh:		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								* Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định		
7.6	2.000669.000.00.00.H47	Sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định		
7.7	2.000672.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định		
7.8	2.000648.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh:	+ Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 3/9/2014 của Chính phủ về việc kinh doanh xăng dầu.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								* Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định	+ Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ; + Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; + Thông tư 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;	
7.9	2.000645.000.00.00.H47	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định	+ Quyết định số 2729/QĐ-BCT ngày 03/12/2021 của Bộ Công Thương; + Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 Bộ Công Thương;	
7.10	2.000647.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định		
7.11	2.001646.000.00.00.H47	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo quy định tại Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính:	+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần/cơ sở	+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; + Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	
7.12	2.001636.000.00.00.H47	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo quy định tại Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính: Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần/cơ sở	+ Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;.	
7.13	2.001630.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo quy định tại Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính: Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần/cơ sở		
7.14	2.001624.000.00.00.H47	Thủ tục cấp giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam			X	Theo Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính: + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần	+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; + Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; + Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
7.15	2.001619.000. 00.00.H47	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính: + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định		
7.16	2.000636.000. 00.00.H47	Cấp lại giấy phép bán buôn sản rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính: + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định	+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; + Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
7.17	2.000190.000.00.00.H47	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính: + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định	+ Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính;	
7.18	2.000176.000.00.00.H47	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính: + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
7.19	2.000167.000.00.00.H47	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	<p>Theo Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính:</p> <p>+ Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định</p> <p>+ Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định</p>	<p>+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;</p> <p>+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</p> <p>+ Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;</p> <p>+ Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính;</p>	
7.20	2.000626.000.00.00.H47	Thủ tục cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	<p>Theo Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính:</p> <p>+ Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định</p> <p>+ Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định</p>		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
7.21	2.000204.000. 00.00.H47	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính: + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định	+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; + Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính; + Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính;	
7.22	2.000622.000. 00.00.H47	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính: + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Đối với doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
7.23	2.000637.000.00.00.H47	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo quy định tại Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính: Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần/cơ sở	+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; + Thông tư 168/2016/TT-BCT ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính;	
7.24	2.000197.000.00.00.H47	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo quy định tại Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính: Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần/cơ sở	+ Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính;	
7.25	2.000640.000.00.00.H47	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Theo quy định tại Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính: Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần/cơ sở		
8. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (6)										
8.1	2.000004.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	Luật Thương mại; + Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại	
8.2	2.000002.000.00.00.H47	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	X		X	Không có		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		HCC Quảng Nam						
8.3	2.000033.000.00.00.H47	Thông báo hoạt động khuyến mại	Không	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
8.4	2.001474.000.00.00.H47	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Không	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
8.5	2.000131.000.00.00.H47	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
8.6	2.000001.000.00.00.H47	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
9. Lĩnh vực kinh doanh khí (24)										
9.1	2.000142.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định	+ Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. + Nghị định 17/2020/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<ul style="list-style-type: none"> + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định 	<ul style="list-style-type: none"> phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương + Quyết định 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương + Thông tư số 168/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa 	
9.2	2.000136.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	<ul style="list-style-type: none"> + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: 	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. + Quyết định 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương + Thông tư số 168/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa; 	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								* Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định		
9.3	2.000078.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định		
9.4	2.000073.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			
9.5	2.000207.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			
9.6	2.000201.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			
9.7	2.000194.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			
9.8	2.000187.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			
9.9	2.000175.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
9.10	2.000196.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			
9.11	1.000425.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			
9.12	2.000180.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định		
9.13	2.000166.000.00.00.H47	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh:	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. + Nghị định 17/2020/NĐ- CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến	Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<ul style="list-style-type: none"> * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định 	<ul style="list-style-type: none"> điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương + Quyết định 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương; + Thông tư số 168/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa 	
9.14	2.000156.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X		<ul style="list-style-type: none"> Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. + Quyết định 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương + Thông tư số 168/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. 	Khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG)
9.15	2.000390.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			
9.16	2.000387.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			
9.17	2.000376.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
9.18	2.000371.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X			
9.19	2.000354.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. + Nghị định 17/2020/NĐ- CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương + Quyết định 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương; + Thông tư số 168/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa	Khí thiên nhiên (CNG)
9.20	2.000279.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định	+ Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. + Quyết định 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương;	
9.21	1.000481.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định	+ Thông tư số 168/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa,	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
9.22	2.000163.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải CNG	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	* Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh:	dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa	
9.23	1.000444.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	* Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh:		
9.24	2.000211.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	* Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định		
10. Lĩnh vực Quản lý Bán hàng đa cấp (4)										
10.1	2.000309.000.00.00.H47	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - Nghị định 03/2023/NĐ-CP ngày 10/02/2023 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban cạnh tranh quốc gia. - Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 của Bộ Công Thương; - Nghị định 18/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1299/QĐ-BCT ngày 31/5/2023 của Bộ Công Thương.	
10.2	2.000631.000.00.00.H47	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
10.3	2.000619.000.00.00.H47	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	09 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
10.4	2.000609.000.00.00.H47	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
11. Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh (1)										
11.1	2.000191.000.00.00.H47	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	09 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	<ul style="list-style-type: none"> + Luật số 59/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội khóa 12 về Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; + Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ Quy định; + Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung”. + Thông tư số 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013 của Bộ Công Thương. + Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ. + Quyết định số 608/QĐ-BCT ngày 09/3/2023 của Bộ Công Thương; 	
12. Lĩnh vực Dịch vụ thương mại (2)										
12.1	1.005190.000.00.00.H47	Thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Lệ phí : 20.000 Đồng (theo quy định tại Quyết định số 58/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính quy định mức thu	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Thương mại năm 2005. + Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ; + Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định 	
12.2	2.000110.000.00.00.H47	Thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung dấu	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	X		X			

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		ngành vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại		HCC Quảng Nam				lệ phí đăng ký dấu (ngành vụ.)	về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006. + Thông tư 01/2015/TT- BCT ngày 12 tháng 1 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; + Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương ;	
13. Lĩnh vực An toàn thực phẩm (2)										
13.1	2.000591.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công thương thực hiện	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí : 1.000.000 Đồng (Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở (Theo quy định tại Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính)) Phí : 2.500.000 Đồng (Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở (Theo quy định tại Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số	+ Luật An toàn thực phẩm; + Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; + Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ + Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương. + Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính))		
13.2	2.000535.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công thương thực hiện	+ 03 ngày làm việc (Do mất hoặc hỏng) + 20 ngày làm việc (thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực) + 03 ngày làm việc (Do thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Phí : 1.000.000 Đồng (Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở (Theo quy định tại Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính)) Phí : 2.500.000 Đồng (Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở (Theo quy định tại Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính))		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
			toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh) + 03 ngày làm việc (Do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh)							
14. Lĩnh vực Dầu khí (3)										
14.1	2.000453.000.00.00.H47	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích từ 210m ³ đến dưới 5.000m ³	50 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị	<i>Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh</i>

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
14.2	2.000433.000.00.00.H47	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	50 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ; + Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ; + Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31/01/2013 của Bộ Công Thương; + Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương;	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh
14.3	2.000427.000.00.00.H47	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	50 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
15. Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (2)										
15.1	2.001264.000.00.00.H47	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; + Quyết định 2114/QĐ-BCT ngày 18/6/2018 của Bộ Công Thương.	Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh
15.2	1.002939.000.00.00.H47	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	- Khoản 2, Điều 4 Hiệp định Thương mại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 12/9/2016. - Thông tư số 17/2017/TT-BCT ngày 19/9/2017 của Bộ Công Thương. - Quyết định số 4285/QĐ-BCT ngày 14/11/2017 của Bộ Công Thương.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
16. Lĩnh vực Thương mại quốc tế (21)										
16.1	2.000063.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	3.000.000 đồng	+ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	<i>Cơ quan thực hiện Ban Quản lý các KKT và KCN tỉnh</i>
16.2	2.000450.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	1.500.000 đồng	+ Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ;	
16.3	2.000347.000.00.00.H47	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	1.500.000 đồng	+ Thông tư 143/2016/TT-BTC của Bộ Công Thương; + Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18/8/2016 của Bộ Công Thương;	
16.4	2.000327.000.00.00.H47	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	1.500.000 đồng	+ Văn bản số 10056/BCT-KH ngày 21/10/2016 về việc đính chính một số nội dung Quyết định số 3416/QĐ-BCT.	
16.5	2.000314.000.00.00.H47	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. + Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
									+ Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18/8/2016 của Bộ Công Thương; + Văn bản số 10056/BCT-KH ngày 21/10/2016 về việc đính chính một số nội dung Quyết định số 3416/QĐ-BCT .	
16.6	2.000255.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; + Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2007; + Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;	
16.7	2.000370.000.00.00.H47	Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ. + Quyết định số 233/QĐ-BCT ngày 18/01/2018 của Bộ Công Thương.	
16.8	2.000362.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
16.9	2.000351.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d,	28 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		đ, e, g, h, I Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP							+ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2007;	
16.10	2.000340.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;	
16.11	2.000330.000.00.00.H47	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ.	
16.12	2.000272.000.00.00.H47	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Quyết định số 233/QĐ-BCT ngày 18/01/2018 của Bộ Công Thương.	
16.13	2.000361.000.00.00.H47	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
16.14	1.000774.000.00.00.H47	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	55 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
16.15	2.000339.000.00.00.H47	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ,	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	X		X	Không có		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ		HCC Quảng Nam					+ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;	
16.16	2.000334.000.00.00.H47	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại ; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2007; + Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; + Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ. + Quyết định số 233/QĐ-BCT ngày 18/01/2018 của Bộ Công Thương.	
16.17	2.000322.000.00.00.H47	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
16.18	2.002166.000.00.00.H47	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	55 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có		
16.19	2.000665.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
16.20	1.001441.000.00.00.H47	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2007; + Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;	
16.21	2.000662.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	55 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ. + Quyết định số 233/QĐ-BCT ngày 18/01/2018 của Bộ Công Thương.	
17. Lĩnh vực Thương mại Biên giới (1)										
17.1	2.001272.000.00.00.H47	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam – Lào	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	+ Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018; + Thông tư 56/2018/TT-BCT ngày 25/12/2018 + Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; + Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2007; + Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; + Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ. + Quyết định số 233/QĐ-BCT ngày 18/01/2018 của Bộ Công Thương + Quyết định số 141/QĐ-BCT ngày 24/01/2019 của Bộ Công Thương	<i>Được ủy quyền giải quyết tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 16/08/2023 của UBND tỉnh</i>

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
18. Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ (1)										
18.1	1.001158.000.00.00.H47	Cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC Quảng Nam	X		X	Không có	- Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ quy định về phát triển công nghiệp hỗ trợ; - Thông tư 09/VBHN-BCT ngày 23/9/2022 của Bộ Công Thương; - Quyết định số 8873/QĐ-BCT ngày 24/8/2015 của Bộ Công Thương.	
Tổng cộng		130					130			
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (17)										
1. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước (11)										
1.1	2.000633.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	+ Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần/cơ sở	+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.	
1.2	2.000629.000.00.00.H47	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	+ Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần/cơ sở	+ Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.	
1.3	1.001279.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	+ Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần/cơ sở	+ Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.4	2.000620.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định.	+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. + Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính + Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;	
1.5	2.000615.000.00.00.H47	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								* Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định.	+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;	
1.6	2.001240.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định.	+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. + Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính + Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;	
1.7	2.000181.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								<ul style="list-style-type: none"> + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. + Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính + Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; 	
1.8	2.000162.000.00.00.H47	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	<ul style="list-style-type: none"> + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định. 		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.9	2.000150.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	+ Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định.	+ Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; + Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. + Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính + Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;	
1.10	1.001005.000.00.00.H47	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Kinh tế (Phòng Kinh tế - hạ tầng) thuộc UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	04 ngày	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	Không có	+ Quyết định số 2697/QĐ-BCT ngày 18/7/2017 của Bộ Công Thương + Quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá sửa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi của các thương nhân thuộc danh sách do UBND tỉnh công bố theo thẩm quyền tiếp nhận của Sở Công Thương;	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.11	2.000459.000.00.00.H47	Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Kinh tế (Phòng Kinh tế - hạ tầng) thuộc UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Tiếp nhận ngay	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	Không có	+ Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 24/01/2022	
2. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (1)										
2.1	2.002096.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	30 ngày	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	Không có	+ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; + Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương; + Thông tư số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương + Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương	
3. Lĩnh vực Khí (3)										
3.1	2.001283.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	Theo Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính. + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh:	+ Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí + Quyết định số 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018 về việc công bố TTHC mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh khí phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.	
3.2	2.001270.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X			
3.3	2.001261.000.00.00.H47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X			

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
								* Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/lần thẩm định + Doanh nghiệp đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 600.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thành phố, thị xã thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 400.000 đồng/lần thẩm định + Hộ kinh doanh đóng trên địa bàn huyện thuộc tỉnh: * Phí thẩm định: 200.000 đồng/lần thẩm định	+ Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính	

4. Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện (2)

4.1	2.000599.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. - Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.	
4.2	1.00047.000.00.00.H473	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	X		X	Không	- Quyết định số 3248A/QĐ-BCT ngày 07/9/2018 của Bộ Công Thương	

